

Lâm Sàng Nghĩa Gì?

Bác sĩ Hồ Văn Hiến

Trong chữ "lâm sàng" có

- Lâm nghĩa là đến gần, vào một hoàn cảnh nào đó: như lâm nguy, lâm bồn (thai phụ sắp sinh), lâm bệnh, lâm chung (chung = đoạn cuối, sắp đến đoạn cuối cuộc đời, chết).
- Sàng có nghĩa là cái giường, ở đây chỉ giường của người bệnh.

Lâm sàng là từ chúng ta dùng để dịch từ tiếng Pháp "clinique" trước đây, lúc các trường y khoa còn dạy bằng tiếng Pháp. Đến khoảng thập niên 1960's, dưới thời Thủ Tướng Nguyễn Cao Kỳ ở miền Nam, trường y khoa Sài Gòn mới bắt đầu chuyển một phần dạy bằng tiếng Việt. Trường Y khoa Đại học Huế dạy bằng tiếng Việt ngay từ lúc mới mở cửa (1957) với khoa trưởng là bác sĩ Lê Khắc Quyến, một người có khuynh hướng cấp tiến và hoạt động chính trị phe tả hơn là các vị giáo sư của trường y khoa Sài Gòn.

Lúc trường y chuyển qua dạy bằng tiếng Việt, một trong những từ chúng tôi học đầu tiên là "lâm sàng". Đa số các từ điển tiếng Việt hay Anh Việt hiện nay đều định nghĩa "lâm sàng" không chính xác lắm đối với cách dùng của từ "clinical" trong y khoa/y tế hiện nay. Trong những tự điển trước 1970 không thấy từ này, và các từ điển dịch "clinic" cũng không đầy đủ hay sai nghĩa. Có lẽ những nhà làm tự điển không hiểu lắm về cách tổ chức của các ngành y tế.



Tiếng Pháp, "clinique", tiếng Anh "clinical" chỉ những gì xảy ra bên giường người bệnh, nói giản dị là lúc khám bệnh. Do từ Hy Lạp cổ "kline" là cái giường.

Hippocrates (460-377 TTC), sinh ra ở đảo Kos, gần 100 năm sau khi Khổng tử ra đời, ông tổ ngành Tây Y tiên phong trong ngành chữa bệnh căn cứ trên quan sát người bệnh trực tiếp và lý

luận trên cơ sở của những "triệu chứng" mà mình thấy, nghe, sờ và ngửi được.

Hippocrate bị ảnh hưởng bởi triết lý của Pythagore (nhà toán học Hy Lạp) theo đó "Thiên nhiên" gồm 5 yếu tố (elements): nước, đất, gió và lửa; do đó học thuyết thời đó cho rằng cơ thể chúng ta gồm năm chất lỏng (fluids) hay dịch (humors) khác nhau tạo nên: mật đen, mật vàng, đờm (nhớt) và máu. Người chữa bệnh có nhiệm vụ tái lập sự quân bình giữa các chất lỏng đó. Có lẽ cũng tương tự nhưng chắc không chi tiết như bên Đông phương, muốn giữ sự quân bình giữa âm và dương, lục phủ (Tiểu Trường, Đại Trường, Đờm, Vỵ, Bàng Quang, Tam Tiêu), ngũ tạng (tâm, can, tỳ, phế, thận). Tuy nhiên, điểm quan trọng ở đây là lý luận căn cứ trên những điều quan sát trên người bệnh, khác với cách chữa bệnh căn cứ trên niềm tin tôn giáo, hay ma thuật. Y học cũng như khoa học thời cổ đại (antiquity) của Hippocrate bị thất truyền sau khi văn minh Hy Lạp và La Mã suy tàn. Qua thời trung cổ, cách chữa bệnh có tính cách tôn giáo và tín điều là chính.

Y khoa lâm sàng chỉ phát triển trở lại sau thời kỳ Phục Hưng Renaissance), với sự khám phá lại các kiến thức "cổ điển" của thời cổ đại, loại bỏ quan niệm về các dịch ("humors") và các ngành cơ thể học, hoá học, phẫu thuật được phát triển. Qua thế kỷ thứ 17, kiến thức về sinh lý (cách cơ thể được điều hành như thế nào) mở rộng, và người ta chú trọng nhiều hơn đến phần thực hành y khoa, bên giường bệnh (bedside clinical practice), nghĩa là quan sát các biểu hiện của cơn bệnh, dùng những kiến thức về cơ thể học, sinh lý học để suy xét nguồn gốc bệnh.

Chúng ta có thể bàn thêm một chút về cách làm việc "lâm sàng" của các thầy thuốc đông y ở Đàng Trong (của Chúa Nguyễn) vào thế kỷ thứ 17 được linh mục Alexandre de Rhodes, người tiên phong tạo ra chữ viết quốc ngữ, kể lại. Phương pháp "lâm sàng" của họ khác phương pháp của tây phương: thầy thuốc "bắt mạch" rồi chẩn đoán trước, không để bệnh nhân khai bệnh trước như trong tây y. Người thầy thuốc được học theo kiểu cha truyền con nối và có nhiều sách bí truyền. Thầy thuốc bắt mạch bằng 3 ngón tay (cho 3 phần cơ thể: đầu, dạ dày và bụng), mất chừng 15 phút để đo suy tính, rồi tiết lộ cho bệnh nhân biết anh ta bị những triệu chứng

gì, bệnh ra sao. Nếu thầy thuốc nói không đúng thì bị đuổi đi, không trả tiền vì bệnh nhân hết tin tưởng, nếu nói đúng thì bệnh nhân tin tưởng để cho chữa bệnh mình, nhưng **chữa hết xong mới trả tiền**. Theo kinh nghiệm bản thân của Alexandre de Rhodes thì các bác sĩ Việt thời đó không thua gì các bác sĩ ở châu Âu.

Sau mấy ngàn năm, y khoa của Hippocrate chuyển biến và phát triển thành Tây Y hiện nay, trên nền tảng của quan sát, suy luận và thực nghiệm, và vai trò quan trọng của các khoa sinh-y học (biomedical sciences). Hiện nay **những gì liên hệ trực tiếp đến người bệnh thì gọi là lâm sàng** (clinical). Ví dụ bác sĩ hỏi câu chuyện về bệnh tình (bệnh sử, history), ghi nhận những triệu chứng (symptoms) như bệnh nhân khai mệt, đau đầu, buồn nôn, có tính cách chủ quan; và khám trên người bệnh nhân để phát hiện những dấu hiệu (signs) khách quan như da có mụn, tim đập loạn nhịp, khối u trong bụng, là những biểu hiện ghi nhận khách quan do người không phải người bệnh quan sát mà ghi nhận. Những dấu hiệu đó được gọi là dấu hiệu lâm sàng (clinical signs). **Chẩn đoán bệnh căn cứ vào quá trình khám này được gọi là chẩn đoán lâm sàng** (clinical diagnosis). Tuy nhiên, bác sĩ còn có thể có những phương tiện để tìm hiểu thêm về bệnh nhân.

Cách đây mấy chục năm, phòng mạch bác sĩ có thể có những phương tiện đơn giản như: máy ly tâm để quan sát cặn nước tiểu qua kính hiển vi, lấy đằm, nhót để nhuộm màu và tìm trong đó có vi trùng hay không, hoặc có máy soi quang tuyến (X Ray), ví dụ để xem bệnh nhân có nám phổi hay không, v...v... và thường những xét nghiệm đó bác sĩ hay y tá tự làm lấy, **gần chỗ người bệnh nằm**, cho nên tiếng Pháp gọi những kết quả thử nghiệm đó là "paraclinique" (do: para=bên cạnh, clinique=giường bệnh). Chúng ta dịch là "cận lâm sàng".

Tuy nhiên, trong **tiếng Anh, ít khi dùng từ ngữ "paraclinical"**. Ở Mỹ, thông thường người ta ít dùng từ paraclinical. Bác sĩ thế hệ trẻ có huynh hướng giảm bớt phần hỏi, khám trực tiếp người bệnh và chú trọng hơn (thậm chí một số người thì là quá nhiều) quá nhiều vào kết quả "cận lâm sàng", tốn kém hơn trước nhiều. Bác sĩ thường nói đến những ngành "cận lâm sàng" như: "lab work"= thử máu, thử vi trùng (ví dụ cấy máu [blood culture] xem có vi khuẩn mọc không), thử di truyền [genetic testing], biopsy (sinh thiết).

"Pathology" (ngành bệnh học, tìm các thay đổi của bệnh gây ra trên các mô, tế bào quan sát bằng kính hiển vi, ngày xưa ở Sài Gòn gọi tắt là **"ana-path"**, do tiếng Pháp **anatomie pathologique**=cơ thể bệnh lý. Các hoạt động như chụp quang tuyến, làm CT, MRI, siêu âm (ultrasounds), được gộp trong khoa "hình ảnh y khoa" (medical imaging). Bác sĩ quang tuyến, phần lớn đọc các phim, hình ảnh, không "đụng" tới bệnh nhân, cũng có thể có những hoạt động lâm sàng; ví dụ bác sĩ quang tuyến can thiệp (interventional radiologist) có thể nhờ CT, siêu âm hướng dẫn chọc vào ngực, bụng bệnh nhân để hút mủ, lấy mẫu sinh thiết để thử nghiệm.

Một trong những phương pháp giảng dạy y khoa là các "hội nghị đối chiếu lâm sàng và bệnh học" (tiếng Pháp: confrontation clinico pathologique). Các bác sĩ, nội trú trình bày các nhận xét về lâm sàng và đề nghị một định bệnh (diagnosis) suy luận từ các quan sát đó. Sau đó, bác sĩ về bệnh học (pathologist, cơ thể bệnh lý) trình bày kết quả của phòng thí nghiệm như sinh thiết (biopsy) hay kết quả giải phẫu tử thi (autopsy), nghĩa là giải đáp của câu hỏi ban đầu là người bệnh mắc bệnh gì, nguyên nhân gì gây ra các triệu chứng lâm sàng.

Một số từ ngữ hay dùng:

1. **Chết lâm sàng** (clinical death), tim bệnh nhân ngưng đập (cardiac arrest), bệnh nhân ngưng thở. Tuy nhiên, với các phương pháp hồi sức hiện nay, có thể đảo ngược "chết lâm sàng" trong một số trường hợp (CPR: cardiopulmonary resuscitation).

2. **Clinic**: phòng khám bệnh tư, phòng ngoại chẩn của một bệnh viện. Đôi khi một clinic là một cơ quan lớn gồm cả nhiều bệnh viện, phòng khám, phòng thí nghiệm, ví dụ **Mayo Clinic** do bác sĩ William Mayo và các người con mở ra ở Rochester, Minnesota cuối thế kỷ thứ 19, và hiện nay là một trong những hệ thống chữa bệnh và khảo cứu y khoa lớn nhất thế giới, nhân viên gồm trên 50,000 người và gần 4000 bác sĩ mọi ngành. **Cleveland Clinic** ở Cleveland, tiểu bang Ohio cũng là một bệnh viện giáo dục y khoa vĩ đại, lợi tức gần 10 tỷ đô la/ năm, và chi nhánh ở nhiều tiểu bang Mỹ, Canada và Trung Đông. Lúc đầu, chỉ là một phòng mạch tư của một bác sĩ giải phẫu vào cuối thế kỷ thứ 19.

3. Theo nghĩa rộng, clinic cũng được dùng trong một số lãnh vực ngoài y tế: như "legal clinic" chỉ những văn phòng giải quyết, tư vấn về các vấn đề luật pháp.

4. Ở Mỹ, người khám và chữa bệnh không phải luôn luôn là bác sĩ y khoa: có những người chuyên về tâm lý trị liệu (psychologist), nurse practitioner; nhân viên điều dưỡng được huấn luyện khám bệnh và điều trị, thường dưới sự giám sát của bác sĩ y khoa, phụ tá bác sĩ "physician assistant" (PA). Từ "clinician" có lúc được dùng để bao gồm hết các nhóm người có nhiệm vụ "lâm sàng" khám và chữa bệnh ở trình độ, lãnh vực khác nhau.



5. Trong bệnh viện Mỹ, sinh viên y khoa được thực hành khám bệnh nhân trong 2 năm cuối gọi là 2 năm lâm sàng (clinical years, clinical rotations) sau khi đã hoàn tất 2 năm đầu về khoa học căn bản, gọi là 2 năm tiền lâm sàng (preclinical years). Các bác sĩ tình nguyện dạy không thù lao cho sinh viên y khoa và bác sĩ đang thực tập (interns, residents, fellows/ hay doctors in training) được trường y khoa phong tước vị giáo sư phụ tá giáo sư (**clinical assistant professors**), phó giáo sư (**clinical associate professors**), giáo sư lâm sàng (**clinical professor**).

Clinical = "lâm sàng" để phân biệt với ban giảng huấn cơ hữu toàn thời gian, chính quy (tenure track faculty) ăn lương của trường, nặng về khảo cứu hơn là dạy học.

Tóm lại, chúng ta có thể dùng định nghĩa của Tự điển Merriam Webster:

Clinical:

- 1) relating to or based on work done with real patients
- 2) of or relating to the medical treatment that is given to patients in hospitals, clinics, etc.
- 3) requiring treatment as a medical problem
- 4) of or relating to a place where medical treatment is given 5) of or relating to a clinic

Lâm sàng:

- 1) liên hệ đến hoặc căn cứ trên nghiên cứu trên người bệnh thật.
- 2) thuộc về hoặc liên hệ đến chữa trị y khoa được cung cấp cho bệnh nhân trong bệnh viện, phòng khám, vv
- 3) cần được chữa trị như là một vấn đề y khoa.
- 4) thuộc về hoặc liên hệ đến một nơi ở đó người ta chữa bệnh (trị liệu)

Bác sĩ Hồ Văn Hiền